

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28/5/2020

V/v : Tranh chấp ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm :**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa : Ông Hoàng Liên Sơn

Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Huyền Nga

2/ Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Thủy– Thư ký Tòa án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên Tòa:**

Bà Vũ Thị Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình, thụ lý số 803/2019/HNGĐ-ST ngày 03/12/2019, về việc: “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXX-ST ngày 23/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐ-ST ngày 13/5/2020; Giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Hoàng Mai L**- Sinh 1992;(Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: số 25 TA 2, phường B, quận H, Hà Nội;

Trú tại: số 10, ngõ 344 đường C, phường NN, quận T, Hà Nội;

2. **Bị đơn:** Anh **Cao Mạnh T**- Sinh 1985; (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú và trú tại: số 25 TA 2, phường B, quận H, Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn xin ly hôn ngày 14/8/2019, Bản tự khai, nguyên đơn là chị Hoàng Mai L trình bày:

Chị và anh Cao Mạnh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/5/2011 tại UBND phường X, quận Tây Hồ, Hà Nội. Trước khi kết hôn, chưa ai có vợ có chồng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số 25 TA 2, phường B, quận H, Hà Nội. Vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, lối sống. Anh T thường xuyên chơi bời, không có trách nhiệm với vợ con, gia đình, không mong muốn xây dựng gia đình hạnh phúc. Chị đã nhiều lần nói chuyện với anh T để anh T có trách nhiệm với gia đình, nhưng anh T không thay đổi. Do mâu thuẫn căng thẳng, từ năm 2015 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Trong thời gian sống ly thân, chị và anh T không liên lạc với nhau, anh T cũng không bao giờ đến thăm nom con chung của vợ chồng. Chị xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T không thể tiếp tục, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: chị và anh T có 01 con chung là Cao Nhật N- Sinh 23/3/2011. Từ năm 2015 đến nay, cháu N đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không có trách nhiệm thăm nom gì với cháu. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị và anh T không có tài sản chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh Cao Mạnh T các thông báo của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo đến Tòa án trình bày, giao nộp chứng cứ, Thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng anh Cao Mạnh T không đến theo thông báo của Tòa án.

Tại phiên tòa, chị Hoàng Mai L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Cao Mạnh T. Chị giữ nguyên nguyện vọng được nuôi con chung khi ly hôn. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; đưa ra quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật:

- Việc thụ lý vụ án “tranh chấp ly hôn” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng trong quá trình thụ lý vụ án, điều tra xác minh, giao thông báo của Tòa án cho các đương sự. Tài liệu điều tra đã đầy đủ.
- Tại phiên tòa, bị đơn được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.
- Quá trình giải quyết, anh Cao Mạnh T không chấp hành các thông báo của Tòa án.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về tình cảm: xác định chị L, anh T đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Linh. Cho chị L ly hôn anh T.

Về con chung: Giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung là động sản và bất động sản: không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Việc chị Hoàng Mai L làm đơn xin ly hôn anh Cao Mạnh T (Trú tại: số 25 TA 2, phường B, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, anh Cao Mạnh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Tiến.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Mai L: căn cứ vào Giấy đăng ký kết hôn, lời khai của chị L, Hội đồng xét xử nhận thấy: chị Hoàng Mai L, anh Cao Mạnh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/5/2011 tại UBND phường X, quận T, Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án trình bày, giao nộp tài liệu chứng cứ theo các thông báo của Tòa án. Việc không đến Tòa án theo các thông báo của Tòa án đã thể hiện anh T từ bỏ quyền được trình bày bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại Tòa án. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của chị Hoàng Mai L, tài liệu xác minh tại địa phương để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Xét thấy, lời khai của chị L phù hợp với tài liệu xác minh tại địa phương nơi anh T, chị L chung sống, thể hiện cuộc sống chung của chị L, anh T đã không còn từ năm 2015, vợ chồng sống mỗi người một nơi, tình trạng vợ chồng đã trầm trọng. Mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Mai L. Cho chị Hoàng Mai L ly hôn anh Cao Mạnh T.

[2.2] Về con chung: Xác định vợ chồng chị L, anh T có 01 con chung là Cao Nhật N- Sinh 23/3/2011. Hiện nay cháu N đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không đến Tòa án để bảo vệ quyền được nuôi con. Cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình: Giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi.

[2.3] Về tài sản chung là động sản và bất động sản: chị Hoàng Mai L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án: chị Hoàng Mai L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 03073 ngày 03/12/2019 của chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tiểu mục 1.1 khoản 1, điểm e tiểu mục 1.3 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

[1]Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Mai L. Cho chị Hoàng Mai L ly hôn anh Cao Mạnh T.

[2]*Về con chung:* Giao con chung là Cao Nhật N- Sinh 23/3/2011 cho chị Hoàng Mai L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Hoàng Mai L không yêu cầu, nên không xem xét.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3]*Về tài sản chung là động sản và bất động sản:* chị Hoàng Mai L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]*Về án phí*: chị Hoàng Mai L phải chịu 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Hoàng Mai L đã nộp 300.000đ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 03073 ngày 03/12/2019 của chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

Chị Hoàng Mai L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Anh Cao Mạnh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hai Bà Trưng;
- UBND p. Xuân La;
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Liên Sơn